

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06/02/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Ngô Thị Thom

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 660/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm E thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Đông Thị X**, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Xóm E thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện ở Nhật Bản.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị X đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2009 tại UBND xã T, huyện T trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm, từ năm 2015 thì chị X đi Nhật Bản lao động đến nay chưa về Việt Nam. Sau khi đi Nhật Bản thì vợ chồng ít khi liên lạc, nhiều lần

anh T gọi điện thoại nhưng chị X không nghe máy. Anh T cố liên lạc với chị X khuyên chị X về Việt Nam đoàn tụ với gia đình và nuôi dạy con cái nhưng chị X không đồng ý và cắt đứt liên lạc với anh T. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với chị X.

- Về quan hệ con chung: Anh T và chị X có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 02/11/2011, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu chị X cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho mỗi con đến khi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T trình bày không biết địa chỉ của chị X ở Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án; đề nghị Tòa án xác minh qua bố mẹ chị X là ông Đồng Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị S ở thôn T, xã C (nay là xã L), huyện T, tỉnh Hải Dương. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà là mẹ của chị X. Hiện chị X ở Nhật Bản, bà S không rõ địa chỉ cụ thể nhưng bà S vẫn liên lạc với chị X nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án để thông báo cho chị X. Quan điểm của chị X về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X không bỏ chồng mà muốn tiếp tục cuộc hôn nhân vì hai con.

- Về quan hệ con chung: Anh T và chị X có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị X chưa về Việt Nam thì đề nghị tạm giao cháu Y cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chi phí chị X sẽ gửi về nhờ bà S giao trực tiếp cho anh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nếu giải quyết ly hôn thì chị X yêu cầu anh T trả lại 350.000.000 đồng tiền chị X gửi về xây nhà trên đất của bố mẹ anh T và 03 chỉ vàng của hồi môn của chị X gửi mẹ anh T. Tuy nhiên sau khi thông qua bà S được giải thích trình tự, thủ tục yêu cầu về tài sản, chị X có ý kiến rằng hiện chị X lao động bất hợp pháp ở nước ngoài, không xin xác nhận vào các văn bản để gửi về Việt Nam được nên về tài sản khi nào về Việt Nam chị X sẽ nhờ luật sư giải quyết sau.

Tại Công văn số 85/QLXNC ngày 26/12/2024, Phòng Q – Công an tỉnh Hải Dương cấp chị X xuất cảnh gần nhất ngày 29/9/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Đồng Thị X; giao con chung Nguyễn Thị Hải Y sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 02/11/2011 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị X có trách nhiệm cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho mỗi con đến khi con chung thành niên; anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp); chị X phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Tuấn đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với chị X. Anh T, chị X đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị X hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị X tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Anh T cho rằng từ khi chị X đi Nhật Bản chị X dần xa cách, đối xử lạnh nhạt và cắt đứt liên lạc với anh T. Xét thấy chị X đi nước ngoài từ năm 2017 đến nay chưa về, vợ chồng ly thân và cắt đứt liên lạc nhiều năm. Bản thân chị X muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân chỉ vì hai con nhưng chưa có kế hoạch về Việt Nam đoàn tụ với anh T. Hôn nhân giữa anh T và chị X đã rơi vào tình trạng trầm trọng không thể kéo dài, anh T xác định không còn tình cảm với chị X nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho anh T ly hôn chị X.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị X có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 02/11/2011, hiện đang ở với anh T. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Chị X có nguyện vọng được nuôi cháu Y, giao cháu Đ cho anh T. Xét thấy hiện chị X đang ở nước ngoài, không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con; anh T đang ở Việt Nam có điều kiện trực tiếp chăm sóc con, con chung ở với anh T phát triển

khỏe mạnh và cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ vào đề nghị của các bên, nguyện vọng của con chung, để đảm bảo ổn định, tránh xáo trộn môi trường sống và học tập của con chung, cần giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T yêu cầu chị X cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho mỗi con là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị X ban đầu có yêu cầu về tài sản nhưng sau đó có quan điểm là khi nào về Việt Nam sẽ yêu cầu giải quyết sau. Vì vậy Tòa án không thụ lý về tài sản trong vụ án này và Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Đồng Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hải Y sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 02/11/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị Đồng Thị X có trách nhiệm cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho mỗi con từ tháng 02/2025 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Đồng Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do anh Nguyễn Văn T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/12/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005407; anh T đã nộp đủ.

3.2. Chị Đồng Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, xã L, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng